

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG BA
VÀ QUÝ I NĂM 2026

Tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng Ba và Quý I năm 2026

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro từ biến động địa chính trị, giá năng lượng và xu hướng dịch chuyển dòng vốn, kinh tế trong nước nói chung và thành phố Cần Thơ nói riêng bước vào năm 2026 với nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, sự điều hành linh hoạt của chính quyền địa phương cùng nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội thành phố trong quý I năm 2026 cơ bản duy trì ổn định, nhiều chỉ tiêu đạt kết quả tích cực, tạo nền tảng cho tăng trưởng trong các quý tiếp theo.

Trong quý I năm 2026, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của thành phố ước tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù chưa đạt kịch bản đề ra, song mức tăng này vẫn phản ánh xu hướng phục hồi tích cực của nền kinh tế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức. Trong đó, khu vực dịch vụ tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng với mức tăng 8,38%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,35%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì mức tăng ổn định 3,60%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất (44,61%), tiếp đến là công nghiệp và xây dựng (26,54%) và nông, lâm nghiệp và thủy sản (23,11%).

Ngay từ đầu năm, công tác tài chính - ngân sách được triển khai chủ động, hiệu quả. Lũy kế đến ngày 25/3/2026, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 8.964 tỷ đồng, tương đương 33,35% dự toán năm; trong khi tổng chi ngân sách địa phương đạt 15.360 tỷ đồng, bằng 31,57% dự toán.

Hoạt động tín dụng, ngân hàng cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, với tổng dư nợ ước đạt trên 338 nghìn tỷ đồng vào cuối tháng 3/2026. Bên cạnh đó, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) quý I/2026 tăng 2,76% so với cùng kỳ, cho thấy lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở mức hợp lý, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Hoạt động đầu tư tiếp tục là điểm sáng với tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn ước đạt 19.517,14 tỷ đồng, tăng 11,44% so với cùng kỳ, trong đó khu vực ngoài nhà nước giữ vai trò chủ lực. Doanh nghiệp có dấu hiệu khởi sắc khi số doanh nghiệp thành lập mới đạt 1.235 doanh nghiệp, tăng 70% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 5.842,71 tỷ đồng.

Trong lĩnh vực sản xuất, công nghiệp duy trì đà tăng trưởng với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) quý I tăng 9,41%, trong khi tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 61,22 nghìn tỷ đồng, tăng 14,11% so với cùng kỳ, phản ánh sức cầu thị trường dần phục hồi.

Khu vực nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng bền vững, với sản lượng lúa đạt trên 2,26 triệu tấn và tổng sản lượng thủy sản đạt 126.034 tấn, tăng

7,88% so với cùng kỳ. Các lĩnh vực xã hội như lao động, việc làm, an sinh xã hội, giáo dục và y tế được quan tâm thực hiện đồng bộ, góp phần ổn định đời sống nhân dân.

Nhìn chung, bức tranh kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ trong quý I năm 2026 cho thấy xu hướng phục hồi tích cực, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số khó khăn, thách thức cần tiếp tục theo dõi sát và có giải pháp điều hành phù hợp trong thời gian tới.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

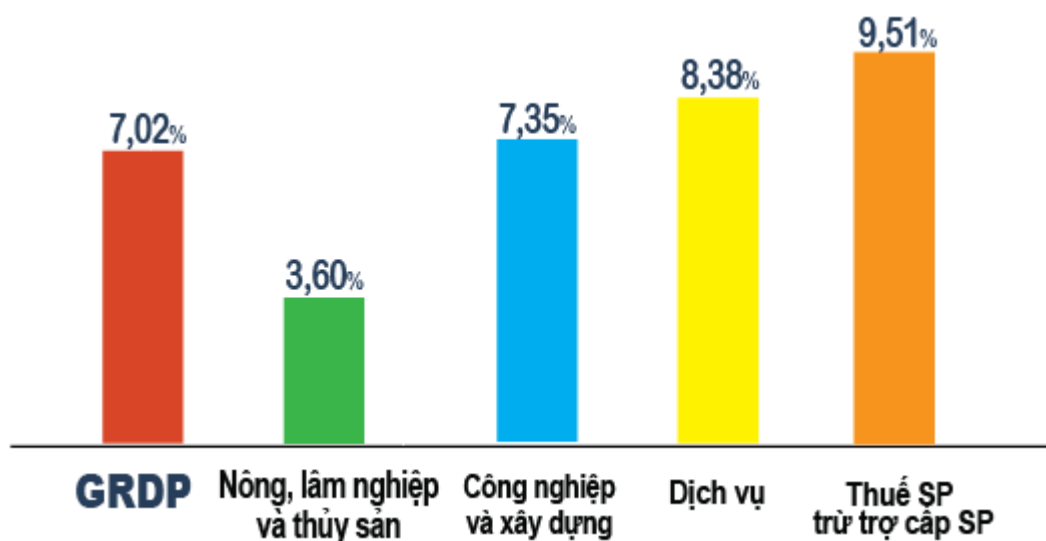
1. Tăng trưởng kinh tế

a) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

Ước tính tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của thành phố quý I/2026 tăng 7,02% so với cùng kỳ, thấp hơn 2,50 điểm % so với kịch bản cơ sở (9,52%) và thấp hơn 3,88 điểm % so với kịch bản phân đầu (10,90%). Tuy chưa đạt mục tiêu đề ra, song mức tăng này vẫn xếp thứ 2 trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, sau tỉnh An Giang (tăng 7,80%). Xét theo khu vực kinh tế, hầu hết các khu vực đều tăng trưởng thấp hơn kịch bản: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,60%, thấp hơn 0,61 điểm % so với kịch bản cơ sở và kịch bản phân đầu (4,21%); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,35%, thấp hơn 3,87 điểm % so với kịch bản cơ sở (11,22%) và thấp hơn 5,85 điểm % so với kịch bản phân đầu (13,20%); khu vực dịch vụ tăng 8,38%, thấp hơn 3,85 điểm % so với kịch bản cơ sở (12,23%) và thấp hơn 5,76 điểm % so với kịch bản phân đầu (14,14%). Riêng thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 9,51%, cao hơn 3,43 điểm % so với kịch bản cơ sở (6,08%) và cao hơn 2,19 điểm % so với kịch bản phân đầu (7,32%), góp phần bù đắp một phần mức tăng thấp của các khu vực kinh tế.

Hình 1. Tốc độ tăng GRDP quý I năm 2026

(So với cùng kỳ)



Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Giá trị tăng thêm quý I/2026 ước tăng 3,60%, thấp hơn 0,61 điểm % so với kịch bản cơ sở và kịch bản phân đầu (4,21%), đóng góp 0,88 điểm % vào mức tăng chung của nền kinh tế. Mặc

dù chưa đạt kịch bản đề ra, khu vực này vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định, tiếp tục khẳng định vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế thành phố trong bối cảnh nhiều ngành còn gặp nhiều khó khăn.

Trong 3 tháng đầu năm 2026, sản xuất nông nghiệp có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực. Diện tích lúa đông xuân giảm 4,53%, chủ yếu do một phần lớn diện tích được chuyển đổi sang phát triển công nghiệp, dịch vụ và các mô hình cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn. Ngược lại, diện tích cây ăn quả tiếp tục được mở rộng, đạt 100.417 ha, chiếm 84,28% trong tổng diện tích cây lâu năm, tăng 0,76% (tương đương tăng 758,59 ha) so với cùng kỳ, góp phần nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích

Chăn nuôi tiếp tục phục hồi và phát triển, đặc biệt là đàn heo đang dần ổn định trở lại sau ảnh hưởng của dịch bệnh; giá sản phẩm chăn nuôi cơ bản ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tái đàn và mở rộng quy mô sản xuất. Lĩnh vực thủy sản tiếp tục là điểm sáng của khu vực, với tổng sản lượng quý I/2026 ước khoảng 126.034 tấn, tăng 7,88% so cùng kỳ, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung.

Khu vực công nghiệp và xây dựng: Giá trị tăng thêm quý I/2026 ước tăng 7,35%, thấp hơn 3,87 điểm % so với kịch bản cơ sở (11,22%) và thấp hơn 5,85 điểm % so với kịch bản phấn đấu (13,20%), đóng góp 1,90 điểm % vào mức tăng chung của nền kinh tế. Trong đó, khu vực công nghiệp tăng 7,42%, đóng góp 1,59 điểm %; xây dựng tăng 7,04%, đóng góp 0,31 điểm %.

Công nghiệp: Giá trị tăng thêm quý I/2026 ước tăng 7,42% so với cùng kỳ. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò chủ lực với mức tăng 7,82%, đặc biệt ngành sản xuất chế biến thực phẩm chiếm tỷ trọng lớn và tăng cao 10,90%, phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tiếp tục khởi sắc. Một số ngành ghi nhận mức tăng trưởng cao như: in và sao chép bản ghi tăng 32,03%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 23,50%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện tăng 22,30%...

Tuy nhiên, tăng trưởng công nghiệp chưa đồng đều giữa các ngành. Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ như: sản xuất đồ uống tăng 7,20%; sản xuất thiết bị điện tăng 6,30%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 1,62%; trong khi đó, sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 26,50%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu giảm 14,80%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 9,44%; dệt giảm 6,45%...

Bên cạnh đó, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 6,43%; hoạt động cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,47% so với cùng kỳ.

Xây dựng: Giá trị tăng thêm ngành xây dựng quý I/2026 ước tăng 7,04% so với cùng kỳ, đóng góp 0,31 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung. Hoạt động xây dựng những tháng đầu năm tập trung vào đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm và chuẩn bị đầu tư các dự án mới. Các công

trình kỹ thuật dân dụng và hoạt động xây dựng chuyên dụng tăng mạnh, lần lượt tăng 28,98% và 29,37%, cho thấy sự tập trung nguồn lực vào phát triển hạ tầng và chỉnh trang đô thị.

Tuy nhiên, xây dựng nhà ở giảm 7,35% do vướng mắc về thủ tục pháp lý và khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng, khiến nhiều dự án chưa thể triển khai. Đồng thời, giá nguyên vật liệu đầu vào như cát san lấp, thép, xi măng vẫn duy trì ở mức cao, gây áp lực lên chi phí xây dựng.

Khu vực dịch vụ: Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch và vận tải trong quý I/2026 duy trì tăng trưởng ổn định; các hoạt động lễ hội, sự kiện đầu năm đã góp phần thu hút khách du lịch và kích thích tiêu dùng. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ ước tăng 8,38% so với cùng kỳ, thấp hơn 3,85 điểm % so với kịch bản cơ sở (12,23%) và thấp hơn 5,76 điểm % so với kịch bản phần đầu (14,14%).

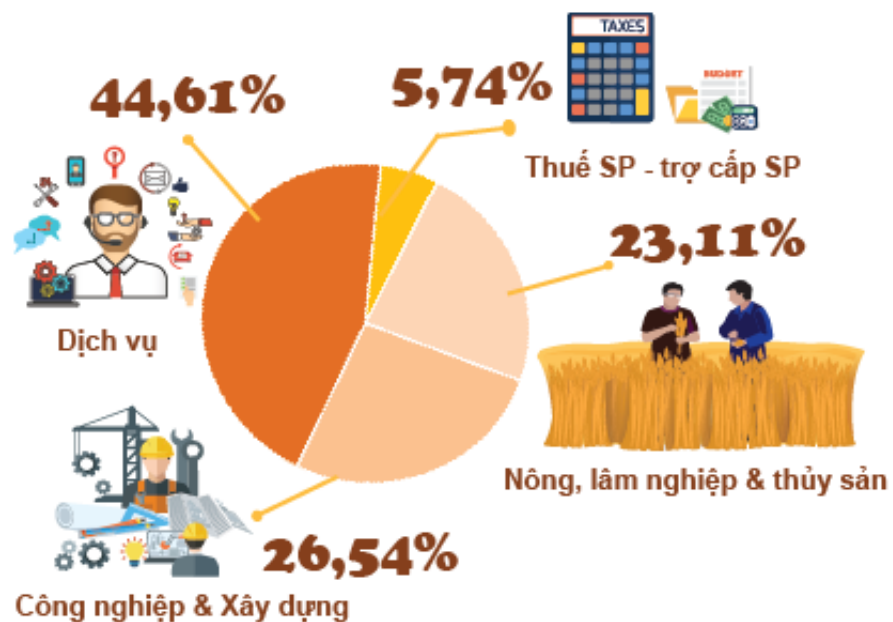
Hầu hết các ngành dịch vụ đều tăng trưởng khá so với cùng kỳ, trong đó: bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng 8,96%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,42%; thông tin và truyền thông tăng 15,80%; hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc tăng 10,01%...

b) Cơ cấu GRDP

Cơ cấu kinh tế của thành phố trong quý I năm 2026 tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất với 44,61%; tiếp đến là khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 26,54%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 23,11%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,74%.

Cơ cấu này cho thấy khu vực dịch vụ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, trong khi khu vực công nghiệp và xây dựng từng bước được củng cố, và khu vực nông nghiệp vẫn duy trì vai trò nền tảng, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Hình 2. Cơ cấu GRDP quý I năm 2026



2. Tài chính, ngân hàng

a) Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách Nhà nước: Lũy kế đến ngày 25/3/2026, tổng thu theo dự toán được Chính phủ giao đã thực hiện 8.964 tỷ đồng, đạt 33,35% dự toán Trung ương và HĐND thành phố giao. Trong đó thu nội địa 8.619 tỷ đồng, đạt 32,87% dự toán Trung ương và HĐND thành phố giao; thu hải quan 345,24 tỷ đồng, đạt 52,23% dự toán Trung ương và HĐND thành phố giao.

Chi ngân sách địa phương: Lũy kế đến ngày 25/3/2026, tổng chi đã thực hiện 15.360 tỷ đồng, đạt 31,57% dự toán HĐND thành phố giao. Trong đó, tổng chi đầu tư phát triển từ dự toán giao 1.837 tỷ đồng, đạt 9,53% dự toán HĐND thành phố giao và chi thường xuyên 5.100 tỷ đồng, đạt 20,17% dự toán HĐND thành phố giao.

b) Ngân hàng

Trong tháng 3 năm 2026, hoạt động ngân hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ diễn ra trong bối cảnh kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định sau cao điểm Tết Nguyên đán. Dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính quyền địa phương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 14 đã triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng. Hệ thống tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, ổn định, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế. Mặt bằng lãi suất, tỷ giá cơ bản ổn định; tín dụng từng bước phục hồi và chất lượng tín dụng được kiểm soát.

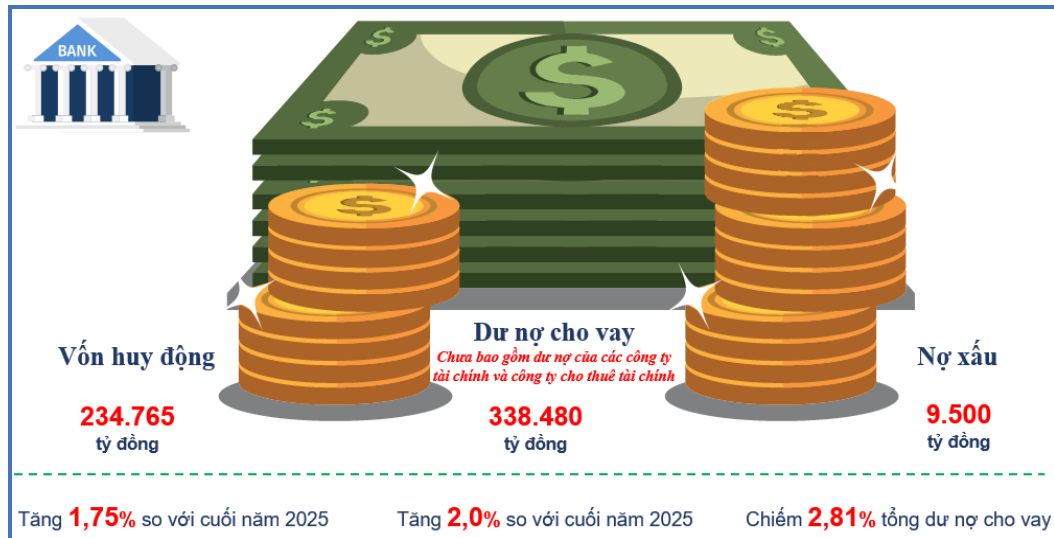
Hoạt động huy động vốn: Đến ngày 28/02/2026, tổng vốn huy động trên toàn địa bàn là 230.740 tỷ đồng, tăng 0,01% so với cuối năm 2025. Vốn huy động đáp ứng được 70,73% nhu cầu vốn tín dụng trên địa bàn. Cơ cấu vốn huy động chiếm chủ yếu: (1) Loại tiền VND đạt 223.286 tỷ đồng, chiếm 96,77% tổng huy động; (2) Kỳ hạn ngắn hạn đạt 203.300 tỷ đồng, chiếm 88,11% tổng huy động; (3) Huy động từ khách hàng cá nhân đạt 190.850 tỷ đồng, chiếm 82,71% tổng huy động. Ước đến cuối tháng 3/2026, tổng huy động vốn toàn địa bàn đạt 234.765 tỷ đồng, tăng 1,75% so với cuối năm 2025.

Hoạt động tín dụng: Chưa bao gồm dư nợ của các công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính: Đến ngày 28/02/2026, tổng dư nợ cho vay toàn địa bàn là 326.209 tỷ đồng, giảm 1,70% so với cuối năm 2025. Trong đó, cơ cấu dư nợ tín dụng tập trung chủ yếu: (i) Loại tiền VND đạt 318.301 tỷ đồng, chiếm 97,58% tổng dư nợ; (ii) Kỳ hạn vay ngắn hạn đạt 187.647 tỷ đồng, chiếm 57,52% tổng dư nợ; (iii) Ngành thương mại, dịch vụ đạt 218.054 tỷ đồng, chiếm 66,85% tổng dư nợ. Ước đến cuối tháng 3/2026, tổng dư nợ toàn địa bàn đạt 338.480 tỷ đồng, tăng 2% so với cuối năm 2025.

Bao gồm dư nợ của các công ty tài chính và cho thuê tài chính: Đến 28/2/2026, tổng dư nợ toàn địa bàn là 331.562 tỷ đồng (trong đó dư nợ cho vay của các công ty tài chính và cho thuê tài chính đạt 5.353 tỷ đồng) giảm 1,57% so với cuối năm 2025. Ước đến cuối tháng 3/2026, tổng dư nợ toàn địa bàn đạt 344.265 tỷ đồng, tăng 2,2% so với cuối năm 2025.

Chất lượng tín dụng: Đến 28/2/2025 nợ xấu toàn địa bàn là 10.041 tỷ đồng, chiếm 3,08%/tổng dư nợ, tăng 0,42 điểm % so với tháng trước. Ước thực hiện đến cuối tháng 3/2026, nợ xấu toàn địa bàn là 9.500 tỷ đồng, chiếm 2,81%/tổng dư nợ, dự báo nợ xấu vẫn được kiểm soát ở mức an toàn theo mục tiêu đề ra.

Hình 3. Tình hình hoạt động ngân hàng đến cuối tháng 3/2026



3. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Trong 3 tháng đầu năm 2026, kinh tế thế giới duy trì sự phân hóa mạnh khi dòng vốn tháo chạy khỏi các tài sản rủi ro để tìm đến vàng, bạc trước áp lực địa chính trị. Tại Việt Nam, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) vận hành ổn định theo quy luật hàng năm, tăng vào dịp Tết Bính Ngọ và hạ nhiệt cuối quý I với mức lạm phát bình quân năm trước được kiểm soát tốt ở 3,05%. Dòng vốn đầu tư công vào các công trình trọng điểm đẩy giá vật liệu xây dựng (cát, đá) tăng cao, tạo áp lực cục bộ lên chỉ số giá nhóm nhà ở và giao thông. Mặc dù cung - cầu hàng hóa thiết yếu được đảm bảo nhờ tâm lý chi tiêu tiết kiệm, thị trường tháng 3 vẫn ghi nhận sự nhạy cảm của các nhóm hàng phi lương thực và dịch vụ. Tổng thể, kinh tế trong nước vẫn giữ vững đà ổn định nhưng đang chịu sức ép đan xen từ việc điều chỉnh giá dịch vụ công và biến động chi phí đầu vào quốc tế.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI): tháng 3/2026 tăng 1,47% so với tháng trước; tăng 3,69% so với tháng cùng kỳ năm trước và tăng 2,28% so với tháng 12 năm trước. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 8 nhóm tăng giá, nổi bật là: giao thông tăng mạnh 15,08%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,03%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,69%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,68%. Ngược lại, có 3 nhóm giảm gồm: hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,13%; bưu chính viễn thông giảm 0,05%; giáo dục giảm 0,12%.

Bình quân quý I/2026, CPI tăng 2,76% so với cùng kỳ năm trước. Một số nhóm có mức tăng cao như: thuốc và dịch vụ y tế tăng 6,27%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,97%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,19%;... Ở chiều ngược lại, nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,26%.

Các nguyên nhân tác động đến giá CPI tháng 3/2026 so với tháng trước

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,13%, cho thấy xu hướng phân hóa rõ rệt giữa các cấu phần. Trong đó, nhóm lương thực giảm 0,03% và thực phẩm giảm 0,56% do nguồn cung dồi dào từ vụ đông xuân và nhu cầu tiêu dùng giảm sau Tết. Ngược lại, dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 0,95%, chủ yếu do chịu tác động từ chi phí vận chuyển và giá nguyên liệu đầu vào tăng.

Nhóm giao thông tăng mạnh 15,08%, là nhóm có mức biến động cao nhất trong kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do giá nhiên liệu thế giới diễn biến bất ổn trước tác động của căng thẳng địa chính trị khu vực Trung Đông, kéo theo giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh tăng nhiều lần trong tháng 3/2026 theo điều hành của Bộ Công Thương.

Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,03%, chủ yếu do nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở tăng trong mùa khô, kéo theo giá các vật liệu như cát, đá, xi măng tăng. Bên cạnh đó, giá điện sinh hoạt tăng 1,01% và giá gas tăng 0,44% theo nhu cầu tiêu dùng và biến động tỷ giá, góp phần làm gia tăng chỉ số giá của nhóm này.

Các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác nhìn chung tăng nhẹ, với mức tăng phổ biến từ 0,01% đến 0,69% như: đồ uống và thuốc lá; may mặc, mũ nón và giày dép; thiết bị và đồ dùng gia đình... Nguyên nhân chủ yếu do tác động lan tỏa từ việc tăng giá xăng dầu và chi phí logistics, làm gia tăng chi phí sản xuất và phân phối.

Các nguyên nhân tác động đến giá CPI quý I/2026 so với quý trước

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng mạnh 6,30% so với quý trước, là nhóm có mức tăng cao nhất, qua đó góp phần làm chỉ số giá bình quân quý I/2026 của nhóm này tăng 6,27% so với cùng kỳ năm 2025.

Nhóm giao thông tăng 2,26% so với quý trước, phản ánh tác động trực tiếp từ diễn biến khó lường của giá xăng dầu thế giới. Tuy nhiên, tính bình quân quý I/2026 so với cùng kỳ năm trước, mức tăng của nhóm này chỉ ở mức 0,44%, cho thấy áp lực giá chưa quá lớn trong xu hướng dài hơn.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,88%, chủ yếu do tác động từ đà tăng giá của các vật liệu xây dựng như thép, xi măng, cát, đá.

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,21%, trong đó thực phẩm tăng 1,64% và ăn uống ngoài gia đình tăng 1,20%, phản ánh nhu cầu tiêu dùng và phụ thu dịch vụ gia tăng trong dịp Tết và các kỳ nghỉ lễ.

Một số nhóm khác tăng nhẹ do yếu tố tâm lý và du lịch đầu năm như: đồ uống và thuốc lá tăng 1,06%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,61%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,48%, chủ yếu do nhu cầu mua sắm và du xuân tăng.

Ở chiều ngược lại, nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,25%, cho thấy xu hướng giảm giá tương đối ổn định của các thiết bị và dịch vụ công nghệ.

Chỉ số giá vàng: Tăng 1,43% so với tháng trước, tăng 18,35% so với tháng 12 năm trước và tăng mạnh 86,69% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân quý I/2026, giá vàng tăng 16,51% so với quý trước và tăng 86,44% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến này phản ánh xu hướng tăng mạnh của giá vàng thế

giới và trong nước khi liên tục thiết lập các mức kỷ lục mới (tăng khoảng 8-10% so với đầu năm), chủ yếu do nhu cầu trú ẩn an toàn trước rủi ro địa chính trị gia tăng và hoạt động tích trữ vàng của các ngân hàng trung ương.

Chỉ số giá đô la Mỹ: Tăng 0,60% so với tháng trước, tăng 2,40% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 0,35% so với tháng 12 năm trước. Bình quân quý I/2026, chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,39% so với quý trước và tăng 2,83% so với cùng kỳ năm trước. Chủ yếu do lộ trình hạ lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) chậm hơn dự kiến, khiến chênh lệch lãi suất giữa VND và USD duy trì ở mức cao, qua đó tiếp tục tạo áp lực lên tỷ giá trong nước.

Hình 4. Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và đô la Mỹ tháng Ba và quý I/2026
(So với cùng kỳ năm 2025)



4. Đầu tư và xây dựng

a) Vốn đầu tư

Trong quý I năm 2026, vốn đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ được triển khai tích cực, tập trung ngay từ đầu năm nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án. Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn ước đạt 19.517,14 tỷ đồng, tăng 11,44% so với cùng kỳ, trong đó, vốn đầu tư ngoài nhà nước ước đạt 12.229,62 tỷ đồng, tăng 12,86% tiếp tục giữ vai trò chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn. Nhờ đó, hoạt động đầu tư trong quý I năm 2026 đạt kết quả khả quan, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

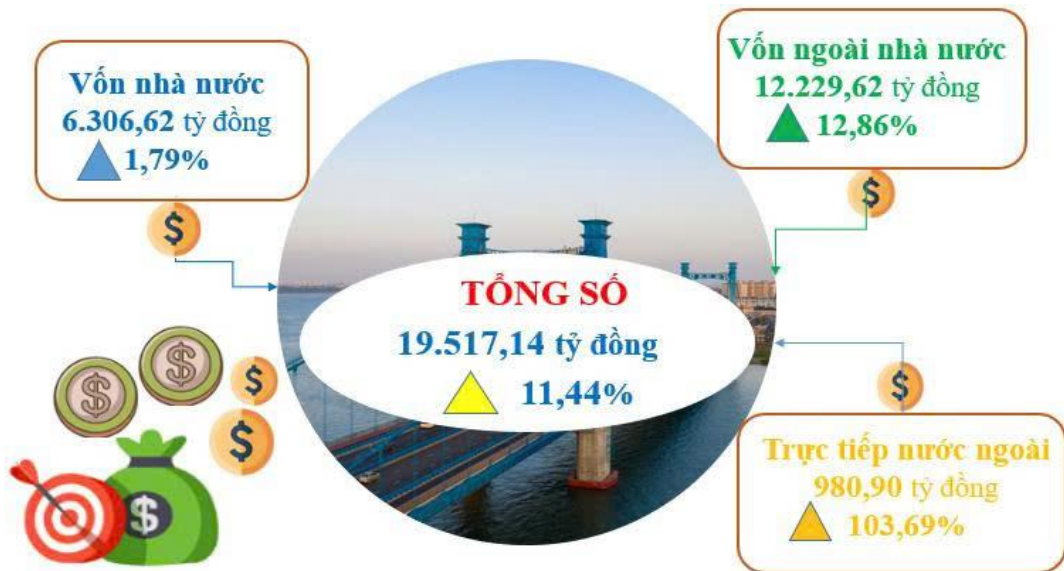
Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 3/2026 ước đạt 1.446,50 tỷ đồng, tăng 33,61% so với tháng trước và tăng 0,55% so cùng kỳ. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 1.213 tỷ đồng, tăng 40,03% so với tháng trước và tăng 7,06% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 233,50 tỷ đồng, tăng 7,89% so với tháng trước và giảm 23,58% so với cùng kỳ.

Ước quý I năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đạt 3.833,05 tỷ đồng, giảm 0,32% so với cùng kỳ và đạt 19,89% kế hoạch năm 2026. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 3.152,22 tỷ đồng, tăng 6,11% và đạt 19,48% kế hoạch năm; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 680,83 tỷ đồng, giảm 22,18% và đạt 22,09% kế hoạch năm.

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn quý I năm 2026 ước đạt 19.517,14 tỷ đồng, giảm 30,41% so với quý trước và tăng 11,44% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó vốn nhà nước 6.306,62 tỷ đồng, giảm 55,35% so với quý trước và tăng 1,79% so với cùng kỳ; nguồn vốn ngoài nhà nước ước thực hiện là 12.229,62 tỷ, giảm 3,85% so với quý trước và tăng 12,86% so với cùng kỳ; nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện được 980,90 tỷ đồng, giảm 18,29% so với quý trước và tăng 103,69% so với cùng kỳ.

Hình 5. Vốn đầu tư thực hiện quý I năm 2026
(So với cùng kỳ)



Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ: Đây là một trong hai dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ do Ban Quản lý Dự án đầu tư thành phố làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư 9.845 tỷ đồng, được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương và địa phương. Kế hoạch vốn năm 2026 được giao là 942,6 tỷ đồng. Ước thực hiện quý I năm 2026 đạt 228,92 tỷ đồng và đạt 24,29% kế hoạch vốn năm 2026; lũy kế giá trị thực hiện từ khi khởi công đến cuối tháng 3/2026 đạt 6.216,92 tỷ đồng và đạt 63,15% tổng mức đầu tư dự án.

Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (2022-2027): Dự án do Ban Quản lý dự án 2 làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư 11.961 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2026 được giao 2.245 tỷ đồng. Ước thực hiện quý I năm 2026 đạt 274,79 tỷ đồng, đạt 12,24% so với kế hoạch vốn năm 2026; lũy kế giá trị thực hiện từ khi khởi công đến cuối tháng 3/2026 đạt 7.108,89 tỷ đồng và đạt 59,43% tổng mức đầu tư dự án.

Dự án đường Vành đai phía Tây nối liền quốc lộ 91 và quốc lộ 61C: Dự án do Sở Giao thông Vận tải thành phố làm chủ đầu tư, với tổng mức đầu tư 3.837,74 tỷ đồng. Kế hoạch vốn năm 2026 được giao 124 tỷ đồng. Ước thực hiện quý I năm 2026 đạt 20,39 tỷ đồng, đạt 16,44% so với kế hoạch vốn năm

2026; lũy kế giá trị thực hiện từ khi khởi công đến cuối tháng 3/2026 đạt 3.287,56 tỷ đồng và đạt 85,66% tổng mức đầu tư dự án.

Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 91 đoạn từ Km0 đến Km7: Do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư là 7.238 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2026 được giao 100 tỷ đồng. Ước thực hiện quý I năm 2026 đạt 56,60 tỷ đồng, đạt 56,60% so với kế hoạch vốn năm 2026; lũy kế giá trị thực hiện từ khi khởi công đến cuối tháng 3/2026 đạt 2.590,17 tỷ đồng và đạt 35,79% tổng mức đầu tư dự án.

Dự án Tuyến đường trục phát triển kinh tế Đông Tây, tỉnh Sóc Trăng (2021-2026): Có chiều dài 56,68 km với tổng mức vốn đầu tư 2.000 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2026 được giao 338,80 tỷ đồng. Ước thực hiện quý I năm 2026 là 81,25 tỷ đồng, đạt 23,98% so với kế hoạch vốn năm 2026; lũy kế giá trị thực hiện từ khi khởi công đến cuối tháng 3/2026 đạt 1.902,10 tỷ đồng và đạt 95,11% tổng mức đầu tư dự án.

Dự án Đầu tư xây dựng mới đường tỉnh 938, đoạn từ đường tỉnh 940 đến quốc lộ 61B và cầu trên tuyến (2022-2026): Tổng mức vốn đầu tư 679,70 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2026 được giao 305,67 tỷ đồng. Ước thực hiện quý I năm 2026 đạt 70,86 tỷ đồng, đạt 23,18% so với kế hoạch vốn năm 2026; lũy kế giá trị thực hiện từ khi khởi công đến cuối tháng 3/2026 đạt 501,02 tỷ đồng và đạt 73,71% tổng mức đầu tư dự án.

Dự án cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và Kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang (2024-2027): Tổng chiều dài 37 km với tổng mức vốn đầu tư là 1.700 tỷ đồng, vốn kế hoạch năm 2026 là 391 tỷ đồng. Ước thực hiện quý I năm 2026 là 83,76 tỷ đồng đạt 21,42% kế hoạch năm; cộng dồn từ khi khởi công đến cuối tháng báo cáo là 495,72 tỷ đồng, đạt 29,16% tổng mức đầu tư dự án.

Đầu tư xây dựng Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ (quy mô 500 giường), Dự án do Sở Y tế TP. Cần Thơ làm chủ đầu tư, với tổng mức đầu tư khoảng 2.071,95 tỷ đồng, vốn kế hoạch năm 2026 là 1.334 tỷ đồng. Ước thực hiện quý I năm 2026 là 241,75 tỷ đồng đạt 18,12% kế hoạch năm; cộng dồn từ khi khởi công đến cuối tháng báo cáo là 584,04 tỷ đồng, đạt 28,19% tổng mức đầu tư dự án.

Ngoài những dự án nêu trên, thành phố còn một số dự án trọng điểm đã được phê duyệt, đang trong giai đoạn chuẩn bị và hoàn thiện thủ tục ban đầu sẽ khởi công trong thời gian tới, như: Dự án xây dựng Trụ sở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, Dự án xây dựng Khu hành chính thành phố Cần Thơ;...

Công tác giải ngân¹: Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước đến ngày 26/3/2026, lũy kế giá trị giải ngân nguồn vốn đầu tư công đạt 1.341 tỷ đồng và đạt 8,5% so với kế hoạch năm.

b) Thu hút đầu tư ngoài ngân sách²: Tháng 3 năm 2026, thành phố thu hút 02 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 150 tỷ đồng³. Lũy kế quý I

¹ Nguồn số liệu: Kho bạc Nhà nước khu vực XIX.

năm 2026, thành phố thu hút 04 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 451 tỷ đồng⁴. Hiện nay, trên địa bàn thành phố có 123 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 7.055,84 triệu USD (trong khu công nghiệp 46 dự án; ngoài khu công nghiệp 77 dự án); có 291 dự án đầu tư trong nước ngoài khu công nghiệp đang quản lý theo dõi tiến độ thực hiện, tổng vốn đăng ký khoảng 232.362,85 tỷ đồng; có 336 dự án đầu tư trong nước trong khu công nghiệp, tổng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký 135.296,77 tỷ đồng.

c) Hoạt động xây dựng

Giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá so sánh ước quý I năm 2026 thực hiện được 12.375 tỷ đồng, giảm 19,10% so với quý IV/2025 và tăng 6,90% so với cùng kỳ.

Giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành ước quý I năm 2026 thực hiện được 15.775,2 tỷ đồng, giảm 17,72% so với quý trước và tăng 10,42% so với cùng kỳ. Trong đó, loại hình các Doanh nghiệp ước thực hiện được 10.049,9 tỷ đồng; loại hình khác gồm Xã, Phường, Thị trấn và hộ dân cư thực hiện được 5.725,3 tỷ đồng. Giá trị sản xuất ngành xây dựng chia theo loại công trình ước thực hiện quý I năm 2026 như sau: Công trình nhà ở ước thực hiện 6.439,6 tỷ đồng, giảm 16,42% so với quý trước và tăng 0,59% so với cùng kỳ; Công trình nhà không ở ước thực hiện 1.870,2 tỷ đồng, giảm 6,31% so với quý trước và giảm 18,31% so với cùng kỳ; Công trình kỹ thuật dân dụng ước thực hiện 6.589,6 tỷ đồng, giảm 21,14% so với quý trước và tăng 33,11% so với cùng kỳ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng ước thực hiện 875,9 tỷ đồng, giảm 21,49% so với quý trước và tăng 35,79% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân giá trị sản xuất ngành xây dựng ước thực hiện quý I năm 2026 giảm so với quý trước là do các công trình, dự án thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được các đơn vị đơn vị thi công, chủ đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công để kịp thanh, quyết toán khối lượng thực hiện vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025, đối với các công trình dự án mới, các chủ đầu tư cần có thời gian triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư, đấu thầu,...

5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp (DN)

Từ ngày 21/02/2026 đến ngày 18/3/2026, toàn thành phố cấp mới đăng ký kinh doanh cho 228 doanh nghiệp các loại hình, giảm 49,33% so với tháng trước; tổng vốn đăng ký đạt 1.669,85 tỷ đồng, giảm 8,22%. Số doanh nghiệp giải thể tự nguyện là 35 doanh nghiệp, giảm 32%; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 104 doanh nghiệp, tăng 38,67%; trong khi đó, có 44 doanh nghiệp đăng ký hoạt động trở lại, tăng 2,33% so với tháng trước.

Lũy kế đến ngày 18/3/2026, toàn thành phố có 1.235 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 70% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 5.842,71 tỷ

² Trong khu công nghiệp và ngoài khu công nghiệp.

³ 01 dự án trong khu công nghiệp: Dự án Nhà máy gia công cơ khí và sản xuất bao bì của Công ty Cổ phần TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Kỹ thuật Phúc Lộc (tổng vốn đầu tư: 100 tỷ đồng); 01 dự án ngoài khu công nghiệp: Mở rộng xưởng sản xuất Giày da công suất 4.200.000 sản phẩm/năm (tổng vốn đầu tư: 50 tỷ đồng).

⁴ Trong Khu công nghiệp 02 dự án, ngoài khu công nghiệp 02 dự án.

đồng, tăng 7,27%. Số doanh nghiệp giải thể tự nguyện là 170 doanh nghiệp, tăng 115,2%; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 418 doanh nghiệp, tăng 40,27%. Trong khi đó, số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh là 760 doanh nghiệp, giảm 8% so với cùng kỳ.

Hình 6. Tình hình đăng ký doanh nghiệp quý I năm 2026 (So với cùng kỳ)



6. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp tuy giảm về diện tích nhưng vẫn đạt kết quả tích cực, với diện tích lúa đông xuân đạt 312.615 ha (giảm 4,53%), sản lượng đạt trên 2,26 triệu tấn; đồng thời chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng hiệu quả khi diện tích rau màu tăng 25,4% và cây ăn quả tăng 0,76%. Chăn nuôi và thủy sản tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, với sản lượng thịt lợn tăng 7,03%, gia cầm tăng 17,28% và tổng sản lượng thủy sản đạt 126.034 tấn, tăng 7,88% so với cùng kỳ. Công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật và phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, góp phần ổn định sản xuất. Nhìn chung, toàn ngành phát triển theo hướng hiệu quả, bền vững.

Chỉ số giá sản xuất⁵ sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2026 tăng 0,68% so với quý trước và tăng 0,72% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, nhóm sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan giảm 1,46% so với cùng kỳ năm trước, nhóm sản phẩm lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 2,07%; nhóm mặt hàng sản phẩm thủy sản khai thác và thủy sản nuôi trồng tăng 5,51% so với cùng kỳ năm 2025.

a) Nông nghiệp

- Trồng trọt

Cây lúa: vụ lúa đông xuân niên vụ 2025-2026, diện tích gieo trồng đạt 312.615 ha, giảm 4,53% so với cùng kỳ (giảm 14.844,61 ha). Diện tích đã thu hoạch đạt 147.861 ha, ước năng suất đạt 72,48 tạ/ha, sản lượng ước đạt 2,26 triệu tấn, giảm 4,07% so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân giảm chủ yếu do thực hiện quy hoạch phát triển đô thị theo nghị quyết của địa phương trước khi sắp xếp đơn vị hành chính; đồng thời, một phần diện tích đất lúa kém hiệu quả được chuyển đổi sang sản xuất cây trồng khác, phát triển công nghiệp, dịch vụ và hạ tầng. Theo phê duyệt, diện tích đất lúa nước còn 291.731 ha.

⁵ Chỉ số giá sản xuất hay chỉ số giá bán của người sản xuất là một chỉ tiêu tương đối phản ánh xu hướng và đo lường mức độ biến động giá bán của các nhà sản xuất và nhà nhập khẩu trên thị trường sơ cấp vào một thời kỳ này so với thời kỳ khác.

Cơ cấu giống lúa chủ yếu gồm: Đài thơm 8 (44%), OM (24%), ST25 (16%), ST24 (6%), RVT (3%), giống khác (7%). Giá thu mua tại ruộng dao động từ 4.900 - 7.300 đồng/kg, trong đó ST25 đạt cao nhất (7.000-7.300 đồng/kg).

Sản xuất tiếp tục được cơ giới hóa cao, tỷ lệ gieo sạ và chăm sóc đạt trên 95%; khâu bón phân và thu hoạch cơ bản được cơ giới hóa. Mô hình liên kết sản xuất được mở rộng, với khoảng 76.000 ha được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm.

Về tiến độ, diện tích lúa giai đoạn đồng 42.459 ha, trổ - chín 122.295 ha, đã thu hoạch 147.861 ha.

Tổng diện tích nhiễm sinh vật gây hại 1.086 ha, giảm 197 ha; chủ yếu nhiễm nhẹ (1.075 ha). Một số đối tượng chính: rầy nâu (15 ha, mật số 750-1.000 con/m², xu hướng giảm), chuột (162 ha, tỷ lệ 3-5%), sâu cuốn lá nhỏ (35 ha), bệnh đạo ôn lá (161 ha), bệnh hại bông, hạt (564 ha), cháy bìa lá (28 ha). Các đối tượng khác xuất hiện cục bộ, mức độ nhẹ và đã được kiểm soát.

Cây hàng năm khác: Diện tích gieo trồng các loại cây màu và rau đậu đều tăng so với cùng kỳ; trong đó, rau các loại đạt 29.697 ha, tăng 25,4% (do chuyển đổi khoảng 10.600 ha từ đất lúa), bắp (ngô) 1.749 ha, tăng 4,17%; đậu các loại 694 ha, tăng 3,89%; khoai lang 105 ha, tăng 2,94%.

Cây mía: Diện tích nhiễm sinh vật gây hại 10 ha, gồm chuột, sâu đục thân, rệp sáp; phân bố rải rác tại một số xã, phường.

Rau màu các loại: Diện tích nhiễm sinh vật gây hại 198,6 ha, chủ yếu mức độ nhẹ; trong đó rau các loại 76 ha, bắp 2 ha, hành tím 120,6 ha. Các đối tượng gây hại chính gồm bọ trĩ, ruồi đục lá, sâu tơ... gây hại trên các loại rau màu. Mức độ thiệt hại không đáng kể.

Cây lâu năm: Diện tích gieo trồng cây lâu năm quý I năm 2026 ước đạt 119.146,16 ha, tăng 0,61% so với cùng kỳ; trong đó cây ăn quả chiếm 100.417 ha (84,28%), tăng 0,76% (tăng 758,59 ha). Diện tích tăng chủ yếu do chuyển đổi từ đất lúa, màu kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái và phát triển vùng chuyên canh.

Cây sầu riêng với diện tích ước đạt 14.515,4 ha, tăng 17,95% so với cùng kỳ. Sản lượng 108.891,74 tấn, tăng 36,63%; chủ yếu giống Ri6, Monthong, Khô qua.

Cây mít diện tích ước đạt 15.603,64 ha, tăng 11,15% so với cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch ước đạt 249.453,71 tấn, tăng 38,91% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là mít Thái.

Cây nhãn có diện tích gieo trồng ước đạt 5.853,19 ha, giảm 2,57% so với cùng kỳ; diện tích cho trái và năng suất tăng nhờ mở rộng giống nhãn Idol.

Nhóm cây có múi (cam, quýt) ước đạt 17.453,03 ha, giảm 14,84% so với cùng kỳ, do chuyển sang trồng sầu riêng.

Trong kỳ, diện tích cây ăn trái nhiễm dịch hại 3.497,5 ha, tăng 18,9 ha so với tháng trước; dịch hại phát sinh cục bộ, được kiểm soát, không lây lan diện rộng.

- Chăn nuôi

Hoạt động chăn nuôi chuyển biến theo hướng trang trại, tập trung, an toàn sinh học và liên kết chuỗi; áp dụng quy trình VietGAHP. Toàn thành phố có khoảng 90.000 hộ chăn nuôi, 45 cơ sở đạt VietGAHP và 38 cơ sở/vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

Thời điểm tháng 3/2026, đàn trâu 3.900 con, giảm 5,29% so với cùng kỳ; đàn bò 60.486 con, tăng 0,33%; đàn lợn 483.850 con, tăng 0,37%; đàn gia cầm 16.717 nghìn con, tăng 3,79% so cùng kỳ năm trước.

Ước quý I năm 2026, sản lượng thịt lợn xuất chuồng khoảng 26.894 tấn, tăng 7,03% so với cùng kỳ; sản lượng thịt gia cầm ước 17.655 tấn, tăng 17,28% so cùng kỳ; sản lượng trứng gia cầm ước 195.069 nghìn quả, tăng 10,99% so cùng kỳ.

Sản lượng chăn nuôi đáp ứng khoảng 50-70% nhu cầu thị trường, phần còn lại nhập từ các địa phương khác. Giá sản phẩm chăn nuôi tương đối ổn định: heo hơi 75.000-80.000 đồng/kg, trâu bò hơi 75.000-80.000 đồng/kg, gà ta 85.000-90.000 đồng/kg, vịt hơi 47.000-52.000 đồng/kg.

Từ đầu năm đến nay, dịch tả heo châu Phi xảy ra tại 6 hộ thuộc 4 xã, phường; tổng số heo tiêu hủy 113 con. Dịch bệnh còn phát sinh cục bộ, một số địa bàn chưa qua 21 ngày theo dõi.

Ngành chức năng tăng cường triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; đẩy mạnh tiêm phòng, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ và giám sát dịch bệnh, kịp thời xử lý, không để lây lan diện rộng.

b) Lâm nghiệp

Quý I năm 2026, diện tích rừng trồng mới ước đạt 104 ha, tăng 0,97% (tăng 1 ha) so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác 25,28 nghìn m³, tăng 10,53% (tăng 2,41 nghìn m³); củi khai thác khoảng 68,42 nghìn ste tăng 4,56% so cùng kỳ năm trước. Số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 467,02 nghìn cây, giảm 0,07% (giảm 0,34 nghìn cây). Công tác quản lý, bảo vệ rừng được tăng cường; không xảy ra cháy rừng. Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng được bảo trì, đảm bảo sẵn sàng vận hành khi có sự cố.

c) Thủy sản

Diện tích nuôi thủy sản khoảng 22.101,9 ha (chủ yếu từ diện tích thả nuôi năm trước chuyển sang); trong đó tôm nước lợ 16.855 ha (tôm sú 2.065 ha và tôm thẻ chân trắng 14.790 ha), cá tra 519 ha.

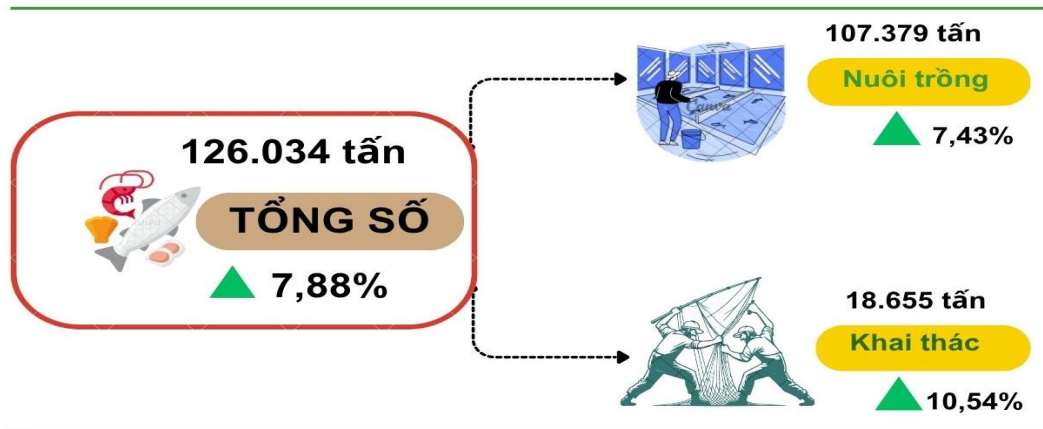
Quý I năm 2026, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 126.034 tấn, tăng 7,88% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi trồng đạt 107.379 tấn, tăng 7,43%; sản lượng khai thác đạt 18.655 tấn, tăng 10,54%. Riêng khai thác biển đạt 15.170 tấn, tăng 12,44% so với cùng kỳ, tiếp tục là động lực tăng trưởng chính trong khu vực khai thác.

Một số đối tượng chủ lực: cá tra 75.050 tấn, tăng 7,13%; tôm sú 1.290 tấn, tăng 6,61%; tôm thẻ chân trắng 10.694 tấn, tăng 8,02%. Sản xuất tiếp tục ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển theo hướng an toàn, bền vững.

Sản xuất giống thủy sản đạt 568,1 ha diện tích thả ương, thu hoạch 496,1 ha, sản lượng 21.431 tấn; trong đó cá tra chiếm tỷ trọng chủ yếu.

Giá thủy sản có biến động: tôm sú ổn định; tôm thẻ giảm; cá tra, thát lát tăng nhẹ; cá giống tăng cao. Công tác quản lý môi trường, dịch bệnh và an toàn thực phẩm được tăng cường, đảm bảo sản xuất ổn định.

Hình 7. Sản lượng thủy sản quý I năm 2026 (So với cùng kỳ)



7. Sản xuất công nghiệp

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang đối mặt với nhiều rủi ro và biến động thị trường năng lượng, tình hình chiến sự tại Trung Đông và căng thẳng chính trị gia tăng làm gián đoạn các khâu vận chuyển. Ngành sản xuất công nghiệp ít nhiều cũng bị tác động gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy còn đối mặt với nhiều khó khăn thách thức nhưng các doanh nghiệp vẫn không ngừng nỗ lực, duy trì sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước ổn định đơn hàng và mở rộng sản xuất. Một số ngành sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố trong tháng 3/2026 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng ổn định và nhiều tín hiệu khởi sắc so với cùng kỳ như: sản xuất chế biến thực phẩm tăng 4,69%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 31,90%; sản xuất trang phục tăng 12,98%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 53,15%; in ấn tăng 20,59%; sản xuất kim loại tăng 9,19%.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 3 năm 2026 ước tăng 28,52% so tháng trước và tăng 10% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tăng 29,33% so với tháng trước và ước tăng 10,14% so với cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước tăng 21,63% so với tháng trước và ước tăng 9,95% so với cùng kỳ năm trước; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý xử lý rác thải ước tăng 5,57% so với tháng trước và ước giảm 1,71% so với cùng kỳ.

Ước tính quý I/2026, IIP tăng 9,41% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tăng 9,95% so với cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước tăng 4% so với cùng kỳ năm trước; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý xử lý rác thải ước giảm 1,33% so với cùng kỳ. Một số ngành có chỉ số IIP quý I tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất kim loại tăng 93,51%; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện tăng 49,70%; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 26,07%; Sản xuất đồ uống tăng 9,61%; In, sao chép

bản ghi các loại tăng 47,48%; Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 11,03%; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 22,29%; Sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 10,24%; ... Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số IIP giảm so với cùng kỳ: Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,33%; Dệt giảm 9,94%; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 6,82%; Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 4,47%.

Hình 8. Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I năm 2026
(So với cùng kỳ năm trước)



Trong tháng Ba năm 2026, một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trên địa bàn thành phố ghi nhận mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sự phục hồi và mở rộng sản xuất ở một số ngành. Cụ thể, thủy hải sản khác đóng hộp tăng 99,19%⁶; phi lê đông lạnh tăng 38,23%⁷; bao và túi dùng để đóng gói hàng từ nguyên liệu dệt khác tăng 16,92%; thuốc lá có đầu lọc tăng 31,90%; sản xuất điện tăng 14,06%; rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế tăng 10,84%; ...

Ở chiều ngược lại, do tác động của giá xăng dầu và nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, chỉ số sản xuất của một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ. Trong đó, thủy hải sản xay nhỏ hoặc dạng mắt đặc giảm 12,21%; nước tinh khiết giảm 19,21%; phân khoáng hoặc phân hóa học chứa ba nguyên tố (NPK) giảm sâu 76,85%; bộ sa lông giảm 48,16%; dược phẩm chứa hoóc môn nhưng không có kháng sinh dạng mỡ giảm 6,50%; sản phẩm in khác (quy khổ 13cm x 19cm) giảm 43,16%; ...

Tuy nhiên, do quy mô và tỷ trọng của các sản phẩm giảm không lớn, nên mức suy giảm này chưa tác động đáng kể đến tốc độ tăng trưởng chung của ngành công nghiệp trong tháng Ba so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính quý I/2026, một số sản phẩm công nghiệp tăng cao so với cùng kỳ: thủy hải sản khác đóng hộp tăng 67,64%; phi lê đông lạnh tăng 60,85%; Gạo

⁶ Do có nhiều doanh nghiệp đã ký hợp đồng từ 2 đến 3 tháng trở lên đơn hàng xuất khẩu, việc chuẩn bị nguồn hàng dồi dào, đa dạng sản phẩm và khai thác hiệu quả nhiều thị trường mới, giúp cho sản lượng sản xuất tăng.

⁷ Theo nhận định của doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản tăng liên tục trên 10% so với cùng kỳ, một phần do doanh nghiệp được Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) áp mức thuế chống bán phá giá thấp nhất từ trước đến nay, đó là lợi thế giá thành để cạnh tranh với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong khu vực

đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ tăng 15,63%; thuốc lá có đầu lọc tăng 10,24%; bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc tăng 17,59%; bộ quần áo trượt tuyết tăng 18,58%; giấy và bìa khác (Giấy than, giấy kép, giấy duplex,...khổ lớn) tăng 15,57%; thép không gỉ ở dạng bán thành phẩm tăng 137,97%; rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế tăng 11,83%; ... Bên cạnh đó, một số sản phẩm công nghiệp có sản lượng giảm so với cùng kỳ: thủy hải sản xay nhỏ hoặc dạng mắt đặc giảm 27,18%; nước ngọt (cocacola, 7 up, ...) giảm 12,38%; sản phẩm in khác (quy khổ 13cmx19cm) giảm 37,61%; phân khoáng hoặc phân hoá học chứa 3 nguyên tố: nitơ, photpho và kali (NPK) giảm 73,15%; phân vi sinh giảm 19,01%; bộ sa lông giảm 46,70%; điện gió giảm 20,27%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Ba tăng 19,49% so với tháng trước và tăng 10,41% so với cùng kỳ. Tính chung 3 tháng đầu năm 2026, chỉ số tiêu thụ sản phẩm tăng 11,86%, tăng chủ yếu một số ngành như: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 13,04%; Sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 11,16%; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 23,35%; Sản xuất trang phục tăng 22,09%; Sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 29,56%. Chỉ số tiêu thụ có xu hướng giảm so với cùng kỳ như: Sản xuất đồ uống giảm 23,48%; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 27,10%; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 5,45%; Sản xuất kim loại giảm 39,17%; Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu giảm 3,05%; ... cho thấy sức mua của người tiêu dùng giảm, thay đổi thói quen mua sắm chuyển sang các sản phẩm giá rẻ hơn, hoặc hạn chế mua sắm để ưu tiên những nhu cầu thiết yếu.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Ba tăng 2,76% so với tháng trước và tăng 8,43% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy lượng hàng tồn kho tăng so với cùng kỳ như: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 7,35%; Dệt tăng 82,20%; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 79,01%; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 21,52%; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 154,54%; Sản xuất kim loại tăng 16,50%. Những ngành có lượng hàng tồn kho giảm: Sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 42,41%; Sản xuất trang phục giảm 47,63%; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 49,50%; Sản xuất hóa chất và sản phẩm từ hóa chất giảm 52,70%; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 98,74%; ... Nguyên nhân của biến động tồn kho chủ yếu do hoạt động tiêu thụ có sự phân hóa giữa các ngành. Một số doanh nghiệp chủ động tăng sản lượng để dự trữ hàng hóa trong bối cảnh giá nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng, đồng thời nhằm đảm bảo nguồn cung phục vụ các đơn hàng đã ký kết, nhất là đối với các nguyên liệu phụ thuộc vào nhập khẩu. Bên cạnh đó, ở một số ngành, tồn kho tăng còn phản ánh tiến độ tiêu thụ chưa theo kịp sản xuất, dẫn đến lượng hàng hóa lưu kho tăng so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sử dụng lao động toàn ngành công nghiệp tháng Ba tăng 2,23% so với tháng trước và tăng 15,25% so với cùng kỳ. Ở một số ngành có chỉ số sử dụng lao động tăng so với cùng kỳ như: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 10,46% ; dệt tăng 8,04%; sản xuất trang phục tăng 10,9%; sản xuất da và các

sản phẩm có liên quan tăng 31,8%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 79,44%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 10,06%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 55,32%. Lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước ước giảm 9,36% so tháng trước và tăng 7,84% so với cùng kỳ; doanh nghiệp ngoài nhà nước ước tăng 22,13% so với tháng trước và tăng 18,12% so với cùng kỳ; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước tăng 7,45% so với tháng trước và tăng 4,47% so với cùng kỳ. Theo nhận định của các doanh nghiệp thì sau thời gian nghỉ Tết Nguyên đán, người lao động đều quay trở về nơi làm việc đầy đủ, do các chính sách hậu mãi, thưởng chuyên cần... đã phát huy hiệu quả và tạo mối liên kết chặt chẽ với người lao động. Ngoài ra, một số doanh nghiệp tuyển dụng thêm lao động để tăng sản lượng sản xuất kịp hoàn thành các hợp đồng đã ký, Vì vậy, chỉ số sử dụng lao động tăng so với cùng kỳ.

Xu hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý I/2026 có 18,71% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn so với quý IV/2025; 48,39% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 32,9% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn. Dự kiến quý II/2026, có 30,97% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn so với quý I/2026; 45,81% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 23,23% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn. Qua đó cho thấy các doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, tuy nhiên mức tăng có dấu hiệu chưa bền vững và còn chậm.

8. Thương mại, dịch vụ

Nhìn chung, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I/2026 của thành phố Cần Thơ cho thấy xu hướng phục hồi tích cực và tăng trưởng khá. Một số lĩnh vực chủ lực như bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành duy trì đà tăng cao, phản ánh niềm tin tiêu dùng được cải thiện và hoạt động sản xuất - kinh doanh dần ổn định. Tuy nhiên, nhóm dịch vụ khác tăng trưởng chậm, cho thấy cần tiếp tục có giải pháp hỗ trợ để thúc đẩy đồng đều giữa các ngành.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3/2026 ước đạt 21,58 nghìn tỷ đồng, tăng 6,66% so với tháng trước và tăng 21,55% so với cùng kỳ. Tính chung quý I/2026 ước đạt 61,22 nghìn tỷ đồng, tăng 14,11% so với cùng kỳ quý I/2025.

Bán lẻ hàng hóa: Tháng 3/2026, thị trường bán lẻ ghi nhận sự phân hóa rõ rệt sau Tết Nguyên đán. Nhóm hàng thiết yếu tăng mạnh, đặc biệt là lương thực, thực phẩm và xăng dầu; trong đó doanh thu xăng dầu tăng trên 50% so với cùng kỳ do ảnh hưởng trực tiếp từ căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông khiến giá nhiên liệu được điều chỉnh tăng mạnh 6 lần liên tiếp. Nhóm vàng bạc, đá quý tăng trên 46% do xu hướng tìm kiếm kênh trú ẩn an toàn.

Ngược lại, các mặt hàng không thiết yếu như đồ dùng gia đình, ô tô và xe máy giảm sâu (từ 12% đến gần 40%) so với cùng kỳ 2025 do áp lực chi phí sinh hoạt và xu hướng chuyển dịch sang xe điện. Tuy nhiên, hoạt động sửa chữa bảo dưỡng xe lại tăng khá sau cao điểm đi lại dịp Tết. Các nhóm hàng như may mặc,

vật liệu xây dựng và văn hóa giáo dục duy trì mức tăng nhẹ, chủ yếu nhờ kích cầu qua thương mại điện tử và phục vụ các công trình trọng điểm.

Tính chung quý I/2026, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 46,87 nghìn tỷ đồng, tăng 15,57% so với cùng kỳ. Động lực tăng trưởng chính đến từ nhóm lương thực, thực phẩm (chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 29 nghìn tỷ đồng, tăng 26,46%) và sự bứt phá mạnh mẽ của nhóm vàng bạc, đá quý (tăng 47,78%). Đáng chú ý, doanh thu xăng dầu tăng mạnh (24,22%) do áp lực giá năng lượng thế giới biến động phức tạp với 6 lần điều chỉnh giá chỉ trong tháng 3. Các nhóm ngành dịch vụ hỗ trợ như sửa chữa xe có động cơ cũng duy trì đà tăng trưởng tốt ở mức 16,97%. Ngược lại, thị trường chứng kiến sự sụt giảm sâu ở các nhóm hàng không thiết yếu như đồ dùng gia đình (giảm 39,19%) và ô tô các loại (giảm 20,72%) do tâm lý thắt chặt chi tiêu và chi phí vận hành tăng cao. Các ngành hàng khác như may mặc, vật phẩm văn hóa và vật liệu xây dựng giữ mức tăng trưởng ổn định từ 2% đến 10%. Nhìn chung, bức tranh bán lẻ quý I/2026 phản ánh sự phân hóa rõ rệt: tiêu dùng thiết yếu và tài sản an toàn chiếm ưu thế, trong khi các mặt hàng giá trị cao gặp nhiều thách thức.

Lưu trú, ăn uống: Tháng 3/2026, doanh thu lưu trú ăn uống ước đạt 2,96 nghìn tỷ đồng, tăng 4,49% so với tháng trước và tăng 20,03% so với cùng kỳ năm 2025. Lĩnh vực dịch vụ lưu trú, ăn uống tại TP. Cần Thơ quý I/2026 ghi nhận tăng trưởng đồng đều ở các lĩnh vực. Tổng doanh thu lưu trú và ăn uống quý I/2026 ước đạt 8,59 nghìn tỷ đồng, tăng 15,60% so với cùng kỳ, trong đó dịch vụ lưu trú bứt phá mạnh nhất với mức tăng 42,56%. Sự chênh lệch giữa tăng trưởng lưu trú (48,58%) và ăn uống (18,58%) trong tháng 3 phản ánh xu hướng khách du lịch không chỉ đến tham quan mà còn có nhu cầu nghỉ dưỡng dài ngày tại địa phương.

Du lịch lữ hành: Doanh thu du lịch lữ hành tháng 3/2026 ước đạt 0,05 nghìn tỷ đồng, tăng 3,34% so với tháng trước và tăng 29,32% so với cùng kỳ. Tính chung quý I/2026 ước đạt hơn 0,17 nghìn tỷ đồng, tăng 9,16% so với cùng kỳ năm 2025, góp phần vào tăng trưởng chung của khu vực dịch vụ.

Dịch vụ khác: Tháng 3/2026, hoạt động của các ngành dịch vụ có xu hướng chững lại so với tháng trước nhưng vẫn duy trì mức tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2025. Doanh thu dịch vụ ước tháng 3/2026 đạt 1,85 nghìn tỷ đồng, giảm 5,81% so với tháng trước, tăng 1,4% so với cùng kỳ 2025 và ước quý I/2026 đạt 5,59 nghìn tỷ đồng, tăng 1,52% so với cùng kỳ năm 2025, mức tăng còn thấp so với các lĩnh vực khác.

Thị trường có sự phân hóa rõ: dịch vụ y tế tăng mạnh (tăng 30,01% so với tháng trước) do nhu cầu khám chữa bệnh sau Tết; trong khi hoạt động bất động sản trầm lắng, doanh thu giảm gần 50% do giao dịch thấp. Nhóm vui chơi giải trí giảm mạnh so với tháng cao điểm Tết nhưng vẫn cao hơn cùng kỳ nhờ hoạt động xổ số. Các dịch vụ hành chính, giáo dục và đào tạo phục hồi nhẹ khi hoạt động trở lại sau kỳ nghỉ. Đáng chú ý, dịch vụ cá nhân và sửa chữa tăng khá (quý tăng 22,14%) nhờ nhu cầu chăm sóc cá nhân và bảo trì tài sản duy trì ổn định. Tổng thể, bức tranh thương mại - dịch vụ quý I/2026 cho thấy xu hướng tăng trưởng tích cực nhưng phân hóa rõ rệt, trong đó tiêu dùng thiết yếu và dịch vụ

phục vụ du lịch, đời sống tăng mạnh, còn các lĩnh vực phụ trợ và không thiết yếu phục hồi chậm hơn. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục có chính sách kích cầu và hỗ trợ phù hợp nhằm thúc đẩy tăng trưởng đồng đều giữa các ngành trong thời gian tới.

Hình 9. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I/2026 (So cùng kỳ năm trước)



b) Vận tải và bưu chính chuyển phát

Hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong tháng 3/2026 có xu hướng phục hồi sau cao điểm Tết Nguyên đán, tuy nhiên mức tăng trưởng giữa các lĩnh vực còn phân hóa rõ rệt. Hoạt động vận tải chịu tác động của nhiều yếu tố như nhu cầu đi lại giảm sau Tết, chi phí nhiên liệu tăng do biến động giá xăng dầu và hoạt động xuất khẩu nông sản điều chỉnh theo mùa vụ.

Hình 10. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát quý I năm 2026 (So với cùng kỳ)



Ước tính tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 3/2026 đạt 1,19 nghìn tỷ đồng, tăng 3,33% so với tháng trước và tăng 12,03% so

với cùng kỳ năm trước (trong đó: vận tải hành khách doanh thu ước đạt 0,45 nghìn tỷ đồng, tăng 34,26%, vận tải hàng hóa ước đạt 0,59 tỷ đồng, giảm 2,01%; kho bãi dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 0,12 nghìn tỷ đồng, tăng 7,62%; bưu chính, chuyển phát ước đạt 0,03 nghìn tỷ đồng, tăng 89,2% so với cùng kỳ)..

Ước tính doanh thu quý I/2026 ngành vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 3,55 nghìn tỷ đồng, tăng 16,82% so với cùng kỳ, cụ thể: Vận tải hành khách ước đạt 1,37 nghìn tỷ đồng, tăng 33,63% so cùng kỳ; vận tải hàng hóa ước đạt 1,74 nghìn tỷ đồng, tăng 5,66%; dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 0,34 tỷ đồng, tăng 8,76%; bưu chính, chuyển phát ước đạt 0,10 nghìn tỷ đồng, tăng 83,70% so cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Số hành khách vận chuyển tháng 3/2026 ước đạt 8.309,33 nghìn hành khách, giảm 12,58% so với tháng trước và tăng 28,06% so với cùng kỳ năm trước. Số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 389.282,38 nghìn lượt hành khách.km, giảm 10,77% so với tháng trước và tăng 30% so với cùng kỳ. Quý I/2026, số hành khách vận chuyển ước đạt 25.828,63 nghìn hành khách, tăng 30,13% so với cùng kỳ. Số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 1.234.109,83 nghìn lượt hành khách.km, tăng 29,21% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 3/2026 ước đạt 2.353,92 nghìn tấn, tăng 13,45% so với tháng trước nhưng giảm 12,73% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 429.737,10 nghìn tấn.km, tăng 13,45% so với tháng trước và so với cùng kỳ giảm 15,91%. Quý I/2026, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 7.080,28 nghìn tấn, giảm 3,70% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 1.289.845,18 nghìn tấn.km, giảm 4,83% so với cùng kỳ.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động, việc làm

Chỉ số sử dụng lao động quý I năm 2026 tăng 12,42% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13,05%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí giảm 0,27% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,74% so với cùng kỳ. Phân theo loại hình doanh nghiệp: khu vực doanh nghiệp Nhà nước ước tăng 2,91% so với cùng kỳ; khu vực ngoài Nhà nước ước tăng 18,12% so với cùng kỳ năm trước; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước tăng 3,78% so với cùng kỳ.

Trong tháng 3 năm 2026, thành phố giải quyết việc làm cho 8.387 lao động, lũy kế từ đầu năm đạt 26.372 lao động, tương đương 27,47% kế hoạch năm. Đồng thời, triển khai sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW về công tác người khuyết tật và tổng hợp nhu cầu nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn.

Về quản lý lao động nước ngoài, đã cấp 15 giấy phép lao động (14 cấp mới, 01 gia hạn) cho người lao động tại 09 đơn vị; hướng dẫn 01 doanh nghiệp thực hiện hồ sơ và ban hành quyết định kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật tại 02 doanh nghiệp.

Ngoài ra, thành phố phối hợp làm việc với Đoàn công tác JICA; tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với 02 đề nghị xây dựng Quyết định của UBND thành phố; đồng thời trình đề nghị phân cấp cho Sở Nội vụ trong quản lý lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Trong tháng, đã tổ chức đưa người lao động đi làm việc thời vụ tại huyện Cheorwon, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc (đợt 1 năm 2026).

2. Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội

a) Đời sống dân cư

Trong tháng 3/2026, thành phố đã chi trả trợ cấp ưu đãi thường xuyên cho 17.296 lượt người có công với tổng kinh phí hơn 48,15 tỷ đồng, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách liên quan và giải quyết kịp thời hồ sơ phát sinh.

Triển khai chính sách các hoạt động hỗ trợ như cấp phương tiện trợ giúp, điều dưỡng, rà soát nhà ở và xây dựng cơ sở dữ liệu người có công và đề nghị thẩm định kinh phí tổ chức điều dưỡng tập trung cho người có công năm 2026.

Bên cạnh đó, tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà, tri ân người có công, huy động nguồn lực xã hội chăm lo đối tượng chính sách, trong đó hỗ trợ 98 Mẹ Việt Nam anh hùng và vận động 1 tỷ đồng từ Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) để chăm lo gia đình chính sách, đồng thời khảo sát 10 căn nhà tình nghĩa để triển khai xây dựng trên địa bàn.

b) Công tác an sinh xã hội

Hỗ trợ cho người có công và thân nhân của người có công với cách mạng trong quý I năm 2026 là: Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng với số tiền là 145.142 triệu đồng từ ngân sách Trung ương. Hỗ trợ đợt xuất với số tiền là 42.600 triệu đồng (gồm có Tết Nguyên đán và kỷ niệm các ngày lễ lớn), số tiền trợ cấp, phụ cấp hàng tháng giảm so với cùng kỳ do qua 1 năm có nhiều người chết.

Hỗ trợ cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP trong quý I năm 2026 là: Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng với số tiền là 450.455 triệu đồng từ ngân sách Thành phố so với cùng kỳ tăng 133.703 triệu đồng, nguyên nhân do từ 01/7/2025 giảm tuổi được trợ cấp xuống còn 75 tuổi.

Hỗ trợ đợt xuất (trợ cấp Tết Nguyên đán) cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, hộ chính sách xã hội không thuộc Nghị định 20/2021/NĐ-CP trong năm 2025 là 11.867 triệu đồng (từ ngân sách của thành phố) giảm so với cùng kỳ do sáp nhập chung với thành phố Cần Thơ số hộ khó khăn, nghèo giảm.

Số thẻ bảo hiểm y tế, sổ, thẻ khám chữa bệnh miễn phí (tính cho tất cả các đối tượng được phát miễn phí) trong quý là 1.429.208 thẻ.

3. Giáo dục và đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã tổ chức tuyên truyền các ngày lễ, sự kiện; triển khai phong trào rèn luyện thân thể, giáo dục pháp luật, phòng chống ma túy; phối hợp các hoạt động học bổng, trải nghiệm và đảm bảo an toàn trường học.

Trong năm học 2025-2026, Sở GD&ĐT đã tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên môn, triển khai Nghị quyết HĐND thành phố, lấy ý kiến người ứng cử

Đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2026-2031, nâng cao năng lực đội ngũ và thí điểm giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh. Thành phố đã tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT, tổng số thí sinh dự thi là 225 thí sinh; kết quả đạt 95 giải, gồm 01 giải Nhất, 13 giải Nhì, 26 giải Ba và 55 giải Khuyến khích chiếm tỉ lệ 42,2% so với tổng số thí sinh tham gia dự thi; Hội thi An toàn giao thông cấp TH, THCS&THPT năm học 2025-2026: đạt 77 giải (01 giải Nhất, 05 giải Nhì, 22 giải Ba, 49 giải Khuyến khích).

Tính đến thời điểm báo cáo, tổng số trường đạt chuẩn quốc gia còn thời hạn 05 năm là 747/1.149 trường, tỷ lệ 65,01%. Trong đó, mầm non 264/334 trường, tỷ lệ 79,04%; tiểu học: 287/486 trường, tỷ lệ 59,05%; THCS: 152/238 trường, tỷ lệ: 63,87%; THPT: 44/91 trường; tỷ lệ: 48,35%.

4. Y tế⁸

Tình hình dịch bệnh: Trong tháng, tính từ ngày 15/02/2026 đến ngày 14/3/2026, toàn thành phố ghi nhận 485 trường hợp mắc sốt xuất huyết (tăng 344 trường hợp so với cùng kỳ và giảm 203 trường hợp so với tháng trước), không ghi nhận trường hợp tử vong, lũy tích ghi nhận 1.452 trường hợp mắc sốt xuất huyết, tăng 1.088 trường hợp so với cùng kỳ, không ghi nhận trường hợp tử vong; tay chân miệng ghi nhận 248 trường hợp mắc (tăng 90 trường hợp so với cùng kỳ và giảm 150 trường hợp so với tháng trước), không ghi nhận trường hợp tử vong, lũy tích ghi nhận 790 trường hợp mắc; sởi ghi nhận 02 trường hợp sốt phát ban nghi sởi (giảm 06 trường hợp so với tháng trước), lũy tích 19 trường hợp, không ghi nhận trường hợp sởi chẩn đoán lâm sàng và sởi dương tính. Trong quý I/2026, thành phố còn ghi nhận một số bệnh truyền nhiễm khác: Sốt rét 02 trường hợp, Viêm não Nhật Bản 01 trường hợp, Đậu mùa khi 01 trường hợp.

Công tác y tế dự phòng khác: Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống; tăng cường giám sát, phát hiện sớm, xử lý triệt để ổ dịch, không để lây lan, bùng phát trong cộng đồng. Chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó (vì rút Nipah), tập huấn chuyên môn và phối hợp các viện, đơn vị liên quan triển khai các hoạt động can thiệp, giám sát dịch bệnh. Tiếp tục giám sát, điều tra côn trùng; phối hợp kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch tại các sự kiện lớn; duy trì kiểm dịch y tế tại cửa khẩu, sân bay, cảng và phối hợp liên ngành trong phòng, chống dịch bệnh. Duy trì công tác tiêm chủng, rà soát, phân bổ vắc xin và hệ thống bảo quản; đảm bảo hoạt động tiêm chủng thường xuyên trên địa bàn.

Công tác phòng, chống HIV/AIDS: Trong tháng, có 26 trường hợp nhiễm HIV phát hiện mới (lũy tích từ đầu năm ghi nhận 134 trường hợp), ghi nhận 03 trường hợp tử vong liên quan đến HIV/AIDS, điều trị ARV cho 9.406 trường hợp, đang điều trị Methadone cho 316 trường hợp.

Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm: Tiếp tục tăng cường tuyên truyền; tổ chức kiểm tra liên ngành và giám sát đảm bảo ATTP tại các cơ sở, phục vụ các sự kiện trên địa bàn. Thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ, công khai thông tin các cơ sở

⁸ Theo Báo cáo số 164/BC-SYT ngày 20/3/2026 của Sở Y tế về công tác y tế tháng 3 năm 2026 (từ ngày 15/2/2026 đến ngày 14/3/2026).

đủ điều kiện ATTP; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và lấy mẫu phục vụ các hoạt động, lễ hội. Trong kỳ chưa ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn thành phố.

5. Văn hóa, thể dục, thể thao⁹

Lĩnh vực văn hóa: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, xây dựng người Cần Thơ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở VH-TTDL) tham mưu xây dựng Kế hoạch thực hiện người Cần Thơ “Trí tuệ - Năng động - Nhân ái - Hào hiệp - Thanh lịch” năm 2026. Tổ chức khảo sát, kiểm tra kết quả thực hiện Phong trào năm 2025 tại các xã, phường. Tổng hợp, hoàn chỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg về Bộ tiêu chí quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2030. Góp ý dự thảo quyết định phân loại các xã theo nhóm để áp dụng Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Công tác thư viện: Tổ chức Hội Báo Xuân và Cuộc thi Ấn phẩm Xuân Bính Ngọ 2026; Công viên Sách Xuân Bính Ngọ 2026. Trưng bày, triển lãm sách mới và sách chuyên đề kỷ niệm 96 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; triển lãm sách chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Phát hành tập thông tin chuyên đề “Vinh quang 80 năm Quốc hội Việt Nam”. Tổ chức trưng bày, triển lãm sách phục vụ Đại hội Công đoàn thành phố nhiệm kỳ 2025-2030; tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Tổ chức triển lãm tổng kết mô hình “Tủ sách hướng thiện” giai đoạn 2021-2025 và ra mắt giai đoạn 2026-2031. Trưng bày sách, báo, tạp chí phục vụ Hội Báo Xuân Bính Ngọ 2026.

Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa: Tham mưu UBND thành phố ban hành các quy chế, kế hoạch liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; phối hợp tổ chức hoạt động tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam. Tổ chức các hoạt động, chương trình, phóng sự tuyên truyền, quảng bá văn hóa các dân tộc; chương trình “Sắc Xuân Miệt Vườn” năm 2026. Khảo sát, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa; thực hiện công tác trưng bày tại các di tích. Tổ chức phục vụ khách tham quan, triển lãm thường xuyên và chuyên đề; triển khai chương trình giáo dục truyền thống “Tự hào người Cần Thơ”; sưu tầm, xây dựng hồ sơ khoa học hiện vật và tư liệu phục vụ trưng bày. Đẩy mạnh công tác phối hợp với các cơ quan, địa phương trong quản lý di sản, lễ hội; thực hiện các thủ tục xếp hạng di tích, xây dựng kế hoạch sưu tầm, kiểm kê di sản. Thực hiện công tác báo cáo, thống kê, thẩm định hồ sơ theo quy định.

Hoạt động nghệ thuật (liên hoan, hội thi, hội diễn): Tham mưu tổ chức các chương trình nghệ thuật chào năm mới, đón Giao thừa và chuỗi hoạt động “Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Bính Ngọ 2026”; chương trình nghệ thuật chào mừng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Tổ chức Liên hoan “Ca nhạc, Ca cổ, Tiểu phẩm Xuân” lần thứ XVI năm 2026. Triển khai tham gia các cuộc thi, liên hoan, hội diễn văn hóa nghệ thuật các cấp; phối hợp tổ chức các chương trình nghệ thuật. Thực hiện công tác quản lý nhà nước

⁹ Theo báo cáo số 126/BC-SVHTTDL ngày 19/3/2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công tác văn hóa, thể thao và du lịch quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II/2026.

về biểu diễn nghệ thuật; phát động sáng tác văn học nghệ thuật; tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và chấp thuận các hoạt động biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn thành phố.

Thể dục, thể thao quần chúng: Triển khai các nhiệm vụ, kế hoạch phát triển TDTT; chuẩn bị tổ chức Đại hội TDTT thành phố lần thứ X năm 2026. Đẩy mạnh phong trào TDTT quần chúng, duy trì và phát triển số người tập luyện, gia đình thể thao và câu lạc bộ TDTT. Tổ chức các giải thể thao, thu hút đông đảo vận động viên và người dân tham gia; triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân.

Thể thao thành tích cao: Duy trì, phát triển số môn thể thao, vận động viên và học sinh năng khiếu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tính đến tháng 3/2026, số môn thể thao cấp quốc gia 20 môn, đạt 100% kế hoạch; số vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia 120 VĐV, đạt 77,4% kế hoạch; số học sinh năng khiếu 419 VĐV, đạt 109,9% kế hoạch. Cử 01 trưởng đoàn, 13 HLV, 81 VĐV (24 nữ) tham gia 05 giải thể thao khu vực, quốc gia và quốc tế, đạt 60 huy chương (16 HCV, 13 HCB, 31 HCD).

6. Chính sách lao động - xã hội

Trong tháng 3/2026, Trung tâm Dịch vụ việc làm đẩy mạnh tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động, các hoạt động được triển khai đa dạng qua tư vấn trực tiếp, phiên giao dịch việc làm và kênh trực tuyến, góp phần kết nối cung - cầu lao động hiệu quả. Kết quả, đã tư vấn việc làm, chính sách việc làm và học nghề cho 20.069 lượt người (lũy kế 80.727 lượt, đạt 30,46% kế hoạch năm); giới thiệu việc làm trong nước 1.826 lượt (lũy kế 7.370 lượt), giới thiệu việc làm ngoài nước đạt 101 lượt (lũy kế 352 lượt) và đã cung ứng lao động trong nước 245 lượt (lũy kế 843 lượt, đạt 28,10% kế hoạch năm) và cung ứng lao động ngoài nước 54 người (lũy kế 459 người, đạt 63,31% kế hoạch năm).

Về bảo hiểm thất nghiệp, đã tiếp nhận 649 hồ sơ; ban hành 917 quyết định liên quan đến chính sách bảo hiểm thất nghiệp, trong đó 742 quyết định hưởng trợ cấp với hơn 15,26 tỷ đồng, chủ yếu chi trả qua tài khoản ngân hàng (99,6%).

Đồng thời, ban hành 21 quyết định thu hồi tiền hưởng sai quy định (175,60 triệu đồng), đã thu hồi được 11 trường hợp; lũy kế đến thời điểm báo cáo còn 565 trường hợp chưa thu hồi với số tiền hơn 2,93 tỷ đồng.

7. Tình hình tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ (từ ngày 15/02/2026 đến ngày 14/3/2026) đã xảy ra 38 vụ tai nạn giao thông, làm chết 33 người và 14 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước giảm 4 vụ (giảm 9,52%); số người chết tăng 11 người (tăng 50%); số người bị thương giảm 22 người (giảm 61,11%). Lũy kế quý I/2026, thành phố đã xảy ra 101 vụ tai nạn giao thông, làm chết 83 người và 38 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước: Số vụ tai nạn giao thông giảm 82 vụ (giảm 44,81%), số người chết giảm 19 người (giảm 18,63%), số người bị thương giảm 85 người (giảm 69,11%).

Từ ngày 15/02/2026 đến ngày 14/3/2026, theo số liệu tổng hợp từ Công an thành phố Cần Thơ, không xảy ra vụ cháy, nổ, giảm 01 vụ so với cùng kỳ. Lũy kế quý I/2026, xảy ra 15 vụ cháy, có 01 người bị thương, không có người chết, thiệt

hại về tài sản khoảng 12,49 tỷ đồng (so với cùng kỳ năm trước: tăng 10 vụ, không có người chết và tăng 01 người bị thương, thiệt hại về tài sản tăng 11,29 tỷ đồng).

Hình 11. Tình hình tai nạn giao thông, cháy, nổ và vi phạm môi trường quý I/2026 (So với cùng kỳ)



Bảo vệ môi trường: Trong quý I/2026 đã phát hiện 06 vụ vi phạm môi trường, đã xử lý được 05 vụ với số tiền xử phạt là 725 triệu đồng, so với cùng kỳ số vụ vi phạm môi trường đã phát hiện giảm 03 vụ, số vụ đã xử lý giảm 01 vụ.

Tình hình thiên tai: Trong quý I/2026 xảy ra 01 vụ sạt lở bờ sông do triều cường dâng làm bờ sông bị sạt lở với chiều dài 50 mét, ước giá trị thiệt hại do thiên tai là 60 triệu đồng, so với cùng kỳ năm 2025 giảm 13 vụ.

Trên cơ sở kết quả đạt được trong quý I năm 2026 và dự báo bối cảnh kinh tế trong thời gian tới vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, để duy trì đà tăng trưởng và thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, thành phố Cần Thơ cần tập trung triển khai đồng bộ một số giải pháp trọng tâm trong quý II năm 2026 như sau:

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Thứ nhất, tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát: Theo dõi sát diễn biến giá cả, nhất là các mặt hàng thiết yếu, xăng dầu, vật liệu xây dựng và dịch vụ công; chủ động xây dựng kịch bản điều hành giá phù hợp, hạn chế tác động lan tỏa đến chi phí sản xuất và đời sống người dân. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với hệ thống ngân hàng trong điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, đảm bảo cung ứng vốn tín dụng cho các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các ngành chủ lực của địa phương.

Thứ hai, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và huy động các nguồn lực xã hội: Tập trung tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án trọng điểm, nhất là các dự án giao thông liên kết vùng. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong

giải ngân vốn đầu tư công; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư ngoài ngân sách, nhất là các dự án FDI, dự án có quy mô lớn, công nghệ cao.

Thứ ba, thúc đẩy sản xuất công nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển: Theo dõi sát tình hình sản xuất, đơn hàng và tồn kho của doanh nghiệp để có giải pháp hỗ trợ kịp thời; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ. Tăng cường kết nối cung - cầu, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị, tận dụng các hiệp định thương mại tự do. Đồng thời, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp gia nhập và quay trở lại hoạt động.

Thứ tư, phát triển thương mại, dịch vụ và kích cầu tiêu dùng: Đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại, kích cầu tiêu dùng nội địa, phát triển thương mại điện tử; tăng cường kết nối cung cầu hàng hóa, nhất là đối với nông sản chủ lực. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ có tiềm năng như du lịch, lưu trú, ăn uống; đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thu hút khách trong và ngoài nước.

Thứ năm, phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững: Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế; phát triển các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Tăng cường liên kết sản xuất - tiêu thụ, xây dựng chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực như lúa gạo, thủy sản, trái cây. Chủ động phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; quản lý tốt môi trường nuôi trồng thủy sản./.

Nơi nhận:

- Ban THĐN, Cục Thống kê;
- Thành ủy, UBND TP Cần Thơ;
- Thống kê các tỉnh Miền Tây và các TP trực thuộc TW;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn TP Cần Thơ;
- Cơ quan Thông tấn, báo chí;
- Lãnh đạo TKT;
- Các đơn vị thuộc Thống kê TP Cần Thơ;
- Phần mềm quản lý tài liệu;
- Lưu: VT, TKTH.

**KT. TRƯỞNG THỐNG KÊ
PHÓ TRƯỞNG THỐNG KÊ**

Lê Đăng Thanh Phong